

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2023/HC-ST

Ngày: 16-3-2023

V/v “*Kiến Quyết định hành chính
trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Lại

2. Ông Trần Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hành chính sơ thẩm thụ lý số 10/2021/TLST- HC ngày 26/01/2021, về việc khởi kiện “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HC ngày 04/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HC ngày 16/02/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 66/2023/TB-TA ngày 03/3/2023;

Giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Bà Đ Thị D, sinh năm 1933; Địa chỉ: Số 36/4 Phạm Ngọc T, Phường 9, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bà Vương Thị Bích Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 136/32 Vạn Kiếp, Phường 3, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Ngô Hoàng A, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 645 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 725 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của các người khởi kiện: Ông Nguyễn Vũ Ngọc, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 403 đường Bình Giã, phường D, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bà Mai Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 1219 đường 30/4, Phường 11, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban X;

- Chủ tịch Ủy ban X;

Địa chỉ: số 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban X và Chủ tịch Ủy ban X: Ông Lê Mạnh Dương - Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Z, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 193/17 đường Trương Công Định, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Ông K, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 1630 đường 30/4, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông Ngọc, ông Dương, đều có mặt; đương sự khác vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đã có có ủy quyền, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Việc xác định diện tích 54.196,6m² là đất do Nhà nước quản lý là không đúng bản chất sự việc và quy định pháp luật.

- Nguồn gốc đất:

Ngày 04/10/1990 ông Z có đơn xin khai hoang, phục hóa đất đối với khu đất 11ha tại Phường 11 để nuôi trồng thủy sản (trong đó có phần diện tích bị thu hồi theo Quyết định số 409 và Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban X là 54.196,6m²). Theo đó vào ngày 03/11/1990 UBND Phường 11 đã xác nhận đồng ý cho ông Z quản lý, phục hồi đưa vào sử dụng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của địa phương.

Khu đất này thuộc một phần nhánh cụt của sông Dinh. Năm 1986, Tập đoàn Muối Nam Bình (Phường 11 cũ, nay là Phường 12) có xin chính quyền cho phép đắp đập ngăn dòng nước để nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, do nước sâu, sông rộng, nhân lực, nguồn vốn, phương tiện kỹ thuật hạn chế, chủ yếu làm bằng thủ công, sức lao động chân tay, bỏ hao hay bị bể nên Tập đoàn Nam Bình không thể đầu tư đắp đập hoàn chỉnh ngăn dòng để trở thành đùng nuôi thủy sản. Đến năm 1988, Tập đoàn muối Nam Bình giải thể, khu đất bị bỏ hoang hóa, không thể sử dụng được và cũng không có ai sử dụng khu đất này.

Tại thời điểm ông Z xin khai hoang, phục hóa thì khu đất 11ha này đang bị bỏ hoang, chưa được giao cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nào quản lý, sử dụng.

Do đó, ông Z đã hợp tác với ông K để thực hiện việc khai hoang, phục hóa đất và nuôi trồng thủy sản từ năm 1990 cho đến năm 2003, thời điểm ông Z và K chuyển nhượng cho các ông (bà) D, Mai, Đ, Anh, N, T.

Ngày 03/8/2003 ông Z và ông K đã chuyển nhượng 84.000m² cho các ông (bà) D, Mai, Đ, Anh, N, T mà ông Z đã khai hoang, phục hóa, nuôi trồng thủy hải sản.

Sau khi nhận chuyển nhượng lại thì các ông (bà) D, Mai, Đ, Anh, N, T tiếp tục đầu tư trang thiết bị, nhân lực để tiếp tục nuôi trồng thủy hải sản và khai thác khu đất đã mua cho đến hiện nay.

Như vậy nguồn gốc đất do ông Z khai hoang, phục hóa, việc này đúng với bản chất, sự việc và thực tế tại thời điểm năm 1990 khi Nhà nước có chính sách ủng hộ khai hoang, phục hóa đất được thể hiện qua các Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2003

và năm 2013.

Căn cứ Thông tư số 52/2014/TT-BNNPTNT ngày hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định 2621/QĐ-TTg sửa đổi mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết 30A/2008/NQ-CP do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành như sau:

“1. Đất khai hoang: Là đất đang để hoang hóa, đất khác đã quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Đất phục hóa: Là đất trước đây đã sản xuất nông nghiệp, nhưng đã bị bỏ hoá, nằm trong quy hoạch sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

Việc xác định các khu đất trên thuộc trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 là không đúng. Vì khu đất được khai hoang, phục hóa, được sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 1990, quá trình sử dụng có đóng thuế sử dụng đất cho Nhà nước, như phân tích ở trên nên các khu đất của trên đã đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29/12/2020 các ông (bà) D, Mai, Đ, Anh, N, T có Đơn khởi kiện và ngày 15/3/2021 có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Tuyên hủy Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban X về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các ông (bà) Z - K (Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đ Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N), địa chỉ: Hẻm 1547 đường 30/4, Phường 12, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi để thực D án Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu (Gọi tắt là *Quyết định số 422*).

- Tuyên hủy Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu (Gọi tắt là *Quyết định số 370*).

- Buộc Ủy ban X phải bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 54.196,6m² bị thu hồi và toàn bộ cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, dùng nuôi tôm và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác theo quy định pháp luật.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án - Người bị kiện là Ủy ban X và chủ tịch Ủy ban X trình bày:

2.1 Nguồn gốc đất ông (bà) Z - K (Mai Thị Dân, Vương Thị Anh Đ, Đ Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N):

Trong tổng diện tích đất thu hồi: 54.196,6m² gồm:

- Diện tích 21.005,6m² thuộc thửa đất Sông Dinh;
- Diện tích 33.191,0m² đất nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc chuyển nhượng từ ông Z - K (mua giấy tay, không được cơ quan có nhà nước xác nhận), đất có nguồn gốc của Nhà nước quản lý (đất của Tập đoàn sản xuất muối Nam Bình) thể hiện cụ thể như sau:

Qua rà soát Sơ đồ đất Tập đoàn sản xuất muối Nam Bình được UBND Phường 11 xác nhận ngày 15/4/1981 thì toàn bộ diện tích đất mà ông Z - K chuyển nhượng giấy tay cho các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đ Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N, thuộc đất của Tập đoàn muối Nam Bình đã có thành lập của UBND Phường 11 tại Quyết định số 01/QĐ.UT ngày 12/01/1981;

việc sử dụng đất của Tập đoàn có lập Sơ đồ vị trí các thửa đất sử dụng giao các đoàn viên được UBND phường Phước Thắng xác nhận ngày 15/4/1981 có kèm theo sơ đồ đất sử dụng.

Do có nhu cầu về nuôi trồng thủy hải sản nên ngày 04/10/1990, ông Z có đơn xin khai hoang phục hóa đất làm đùng gửi UBND Phường 11 cũ. Sau đó, UBND Phường 11 yêu cầu ông Z liên hệ với Tập đoàn muối Nam Bình để xác nhận là không sử dụng đùng nuôi tôm cá nữa, làm cơ sở cho UBND Phường 11 có xác nhận trong đơn của ông Đang.

Trong đơn, ông Z ghi rõ nội dung: “Tôi xin hứa chấp hành tốt mọi quy định của pháp luật và chính quyền đề ra”.

Năm 1990, ông Nguyễn Văn Trường - Tập đoàn trưởng Tập đoàn muối Nam Bình có đơn xin trả ao cá, nội dung:

“Hiện Tập đoàn có 01 đùn nuôi tôm 11ha bị sụp cống và sạt lở đê, khả năng Tập đoàn không thể sửa chữa và đưa vào sản xuất được, đã bỏ đi 02 năm không có thu hoạch, công lao động Tập đoàn quá ít, vốn đầu tư không có không thể phục hồi lại được. Nay Tập đoàn chúng tôi xin giao lại đùn 11ha cho UB để tiện giao cho người khác sản xuất để có hoa lợi cho địa phương”.

Năm 2003, ông Q và ông Z bán lại cho ông (bà) Mai Thị T + Vương Thị Bích Đ + Đoàn Thị D + Ngô Hoàng A + Lê Thị N sử dụng bằng giấy viết tay (không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận).

2. 2 Về quá trình hồi và giải quyết các thủ tục bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất như trên, ngày 17/01/2020, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 422/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) K -Z (Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N). Theo đó, UBND thành phố Vũng Tàu đã thu hồi diện tích 54.196m², trong đó hỗ trợ 30.000,0m² đất nuôi trồng thủy sản (50% giá đất NTTS vị trí 5, đường loại 2) theo Văn bản số 7996/UBND-VP ngày 12/8/2019 của UBND Tỉnh và Văn bản số 4296/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường; không hỗ trợ đối với 24.196,6m² đất (trong đó có 21.005,6m² thuộc thửa đất Sông Dinh và 3.191,0m² do vượt hạn mức).

Ngày 19/01/2021, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 370/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của các ông (bà): Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N. Theo đó, UBND thành phố Vũng Tàu bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của các ông (bà) có tên nêu trên và giữ nguyên các Quyết định số 409/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 422 về bồi thường đất của UBND thành phố Vũng Tàu.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND thành phố Vũng Tàu, các ông (bà): Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N khởi kiện đến Tòa án và yêu cầu:

Hủy Quyết định số 422, hủy Quyết định số 370. Buộc Ủy ban X phải bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 54.196,6m² bị thu hồi và toàn bộ cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, dùng nuôi tôm và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác theo quy định pháp luật.

2.3. Về nội dung khởi kiện:

Việc các ông (bà): Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N buộc UBND thành phố Vũng Tàu phải bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất 54.196,9m² bị thu hồi và toàn bộ cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, dùng nuôi tôm sú và các bồi thường, hỗ trợ khác do thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật là không cơ sở bởi lẽ:

- Như đã nêu ở phần nguồn gốc đất nêu trên, thì 54.196,6m² đất Nhà nước thu hồi thuộc các thửa 125, 126, 127, 128 (tờ bản đồ số 23, Phường 11. Trong đó, có: 21.005,6m² thuộc thửa 125, 126, 127 đất Sông Dinh và 33.191,0m² đất thuộc thửa 128+129(mới 13+50+51+59+65), tờ bản đồ số 23 (mới 115), Phường 12, thuộc diện tích 11ha đất do Tập đoàn muối Nam Bình sử dụng từ năm 1980 (Nhà nước quản lý) mà ông Z đơn xin sử dụng đất năm 1990.

- Tại Sổ mục kê Phường 11 cũ năm 1993 được duyệt năm 1994 và Bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/2000 được UBND Phường 11 cũ duyệt ngày 01/6/1994, UBND thành phố Vũng Tàu duyệt ngày 20/8/1994 thể hiện: Thửa 128, diện tích 97.667m², loại đất “đùng” không có tên ai kê khai đăng ký và thửa 129, loại đất “Hg” không có tên ai đăng ký.

- Tại sổ mục kê năm 2004 thì toàn bộ các thửa 13 +50 +51 +59 +65, tờ bản đồ số 23 (mới 115), Phường 12, thành phố Vũng Tàu, không có tên ai kê khai đăng ký, với diện tích: 29.582m².

Như vậy: Trong quá trình sử dụng 100.229m² đất của ông Z được UBND phường 11 tạm giao từ năm 1990 cho đến ngày 15/10/2003 (chuyển nhượng, giấy tay cho các hộ dân), ông Z không có giấy tờ chứng minh sử dụng đất thường xuyên, liên tục, vi phạm cam kết khi được UBND Phường 11 tạm giao là thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ của địa phương (trong quá trình sử dụng ông Z không có giấy tờ chứng minh thực hiện nghĩa vụ tài chính với địa phương trong quá trình sử dụng đất).

Mặt khác, phần diện tích đất này đã có Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh từ năm 1993 để thực hiện dự án Khu chế xuất Phước Thắng, ông Z đã không được Nhà nước xem xét bồi thường về đất.

Khi không có nhu cầu sử dụng đất, ông Z có trách nhiệm và nghĩa vụ trả lại đất cho Nhà nước. Tuy nhiên, năm 2003, ông Z vẫn chuyển nhượng cho nhiều hộ dân, trong đó có các ông (bà): Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đ Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N (bằng giấy viết tay, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận) là vi phạm quy định tại Điều 6 Luật đất đai 1993 “Nghiêm cấm việc lấn chiếm đất đai, chuyển quyền sử dụng đất trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích được giao, hủy hoại đất”.

Liên quan đến việc sử dụng đất của ông Z, ông K thuộc D án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, UBND thành phố thành lập đoàn Thanh tra và đã có Kết luận số 8948/KL-UBND ngày 05/11/2020, theo đó xác định việc sử dụng đất ông Z, ông K đất Nhà nước quản lý (tạm giao năm 1990) và năm 1993, UBND tỉnh đã có Quyết định thu hồi đất nhưng năm 2003 ông Z vẫn chuyển nhượng giấy tay cho các hộ dân là vi phạm pháp luật.

Để hỗ trợ cho các hộ dân hiện đang cạnh tác trên phần đất mua giấy tay từ ông Z, UBND thành phố đã báo cáo UBND tỉnh xin hỗ trợ. Ngày 12/8/2019, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Văn bản số 7996/UBND-VP thông nhất với đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4296/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/7/2019 với nội dung: *“Đối với các hộ dân đã và đang sử dụng đất có nguồn gốc thuộc diện tích đất 11ha đất mà UBND Phường 11 tạm giao cho ông Nguyễn Văn Đang từ năm 1990 thì các hộ dân không đủ điều kiện bồi thường về đất cho phép áp dụng Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để hỗ trợ 50% giá đất nông nghiệp theo Bảng giá đất hàng năm của UBND Tỉnh ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, diện tích hỗ trợ trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sử dụng đất có nguồn gốc đất do UBND Phường 11 (Tập đoàn muối Nam Bình) quản lý, sử dụng.”*

Từ chủ trương hỗ trợ nêu trên, ngày 17/01/2020, UBND thành phố Vũng Tàu có Quyết định số 422 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các ông (bà) Z - K (Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N) với nội dung: Không bồi thường diện tích 54.196.6m² theo Điều 82 Luật Đất đai; Hỗ trợ 50% giá đất nuôi trồng thủy sản đối với diện tích 30.000m²; Hỗ trợ bờ đê và sản lượng đê nuôi tôm cá theo mô hình quảng canh cải tiến, với số tiền 3.303.521.070 đồng là đúng quy định pháp luật, phù hợp nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, thì các ông (bà) T, Đ, D, Anh không cung cấp được các giấy tờ pháp lý chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của Luật đất đai 2013 đối với diện tích 54.196m² đất mà UBND thành phố Vũng Tàu đã thu hồi, để được bồi thường về quyền sử dụng đất và các khoản hỗ trợ khác theo quy định pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, việc các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đ Thị D, Ngô Hoàng A, yêu cầu hủy Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu, Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu và buộc Ủy ban X bồi thường đất, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất 54.196m² bị thu hồi là không có cơ sở.

[3] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Z trình bày:

Khoảng năm 1990 ông Z có đơn xin khai hoang, phục hóa đối với khu đất 11ha tại Phường 11 để nuôi trồng thủy sản và được UBND Phường 11 đã xác nhận ngày 03/11/1990 đồng ý cho ông Z quản lý, phục hồi đưa vào sử dụng và ông Z thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của địa phương. Tại thời điểm ông Z xin khai hoang, phục hóa thì khu đất 11ha này đang bị bỏ hoang, chưa được giao cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nào quản lý, sử dụng.

Do đó, ông Z cùng ông K để thực hiện việc khai hoang, phục hóa đất và nuôi trồng thủy sản từ năm 1990 cho đến năm 2003 sau đó ông Z và ông Q chuyển nhượng cho các ông (bà) D, Mai, Đ, Anh, N, T bằng giấy tay và ông Z đã đưa toàn bộ giấy tờ liên quan đến đất cho các ông (bà) D, Mai, Đ, Anh, N, T với diện tích khoảng hơn 54.000m².

Việc chuyển nhượng đất đã kết thúc từ năm 2003, sau khi chuyển nhượng thì các ông (bà) D, Mai, Đ, Anh, N, T là người trực tiếp sử dụng đất và ông Z không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khu đất nêu trên và cũng không có tranh chấp đất đai với các hộ đã chuyển nhượng.

Nay Nhà nước thu hồi đất của ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đ Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N để thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, thì ông Z xác nhận ông Z không tranh chấp tiền bồi thường, không tranh chấp đất với các hộ. Ông Z không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi cho ông Đang, vì ông Z chuyển nhượng đất đã hơn 20 năm nên ông Z đề nghị Tòa án không đưa ông Z và tham gia tố tụng.

Ông Z không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi cho ông Z trong vụ án này và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tòa án nhân dân các cấp xét xử vắng mặt ông Đang.

[4] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông K trình bày:

Khoảng năm 1993 ông Q có Đơn xin khai hoang phục hóa đất làm Đùng diện tích khoảng hơn 12ha tại Phường 11 (cũ) thành phố Vũng Tàu để nuôi trồng thủy sản được UBND Phường 11 (cũ) xác nhận. Nguồn gốc đất là 01 phần đùng chỉ có con rạch đắp để lấy cá tự nhiên bỏ hoang không ai sử dụng và phần còn lại do tôi tự khai hoang. Khoảng năm 1993 có quy hoạch dự án khu chế xuất Phước Thắng nên có danh sách dự kiến đền bù. Tuy nhiên dự án khu chế xuất Phước Thắng không thực hiện và không có đền bù trên thực tế cho các hộ dân. Khoảng năm 2003 thì ông Q làm giấy tay sang nhượng đất trên cho các hộ và đã bàn giao hết đất. Việc bán giấy tay này không có xác nhận của cơ quan Nhà nước. Sau khi bán lại cho các ông bà có tên nêu trên thì ông Q không sử dụng diện tích đất khai hoang trên nữa và không có tranh chấp với các hộ ông Q đã chuyển nhượng.

Quá trình thu hồi đất của Nhà nước thực dự án thì UBND Phường 12 và Thanh tra thành phố Vũng Tàu có mời ông lên làm việc và xác minh về đất ông Q đã bán cho các hộ dân và ông Q có làm giấy ủy quyền tại phường cho các hộ thay mặt ông Q giải quyết các việc liên quan đến đất thu hồi.

Đối với diện tích đất ông và bà Nguyễn Thị Son đang khởi kiện yêu cầu UBND thành phố cấp GCNQSD đất không liên quan đến khu đất đã chuyển nhượng; diện tích đất, vị trí đất, số tờ số thửa là hoàn toàn khác nhau, và hiện ông

Zsử dụng. Không tranh chấp với các hộ trong khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng.

Nay ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đ Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N khởi kiện buộc UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường, hỗ trợ cho các ông (bà) T, Đ, D, Anh, N đối với toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi để thực hiện D án Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng tại Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban X thì ông Q xác nhận ông Q không tranh chấp tiền bồi thường, không tranh chấp đất với các hộ. Do bận công việc và trong vụ án này ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi cho ông Hải, nên ông Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tòa án nhân dân các cấp xét xử vắng mặt ông Hải.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tuy nhiên có vi phạm thời hạn xét xử, cần rút kinh nghiệm.

Xét về nội dung, nhận thấy:

Nguồn gốc 54.196,6m² đất thu hồi thuộc các thửa 125, 126, 127, 128, 129 tờ bản đồ số 23, Phường 11 cũ như người bị kiện trình bày là đúng.

Ngày 03/11/1990, UBND Phường 11 xác nhận trong đơn xin khai hoang phục hóa đất làm đùng ngày 04/10/1990 của ông Z, nội dung: *“Căn cứ đơn giao trả diện tích đất làm đùn 11ha tại Nam Bình của Tập đoàn sản xuất muối Nam Bình, lý do không vốn đầu tư đưa vào sản xuất, hiện nay chưa giao cho ai đang sử dụng. Theo đơn xin sử dụng đùn kể trên của ông Z, UBND phường tạm giao cho ông Z quản lý, phục hồi đưa vào sử dụng và thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ của địa phương”*

Sau khi xin đất, ông Z đã hợp tác với ông K để cải tạo làm đùng nuôi thủy sản. Đến năm 2003, ông Z và ông Q đã chuyển nhượng cho các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N sử dụng bằng giấy viết tay, với tổng diện tích là 84.000m²; sau đó các hộ này tiếp tục sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

Về hồ sơ địa chính quản lý đất:

Tại Sổ mục kê Phường 11 cũ năm 1993 được duyệt năm 1994 và Bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/2000 được UBND Phường 11 cũ duyệt ngày 01/6/1994, UBND thành phố Vũng Tàu duyệt ngày 20/8/1994 thể hiện: thửa 128, diện tích 97.667m², loại đất “đùng” và thửa 129, diện tích 2.562m², loại đất “Hg”, không có tên ai kê khai đăng ký.

Tại sổ mục kê năm 2004 thì các thửa 13 + 50 + 51 + 59 + 65, tờ bản đồ số 23 (số mới 115), phường 12, thành phố Vũng Tàu, diện tích: 29.582m², không có tên ai kê khai đăng ký.

Theo khoản 2 Điều 77 và khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì trường hợp của các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đ Thị D, Ngô Hoàng

A, Lê Thị N là sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, ổn định, không có tranh chấp; hồ sơ địa chính cũng không thể hiện đất Nhà nước quản lý, các hộ dân tuy không kê khai đăng ký, nhưng thực tế đang là người sử dụng đất, quá trình sử dụng không bị xử lý vi phạm pháp luật về đất đai. Căn cứ quy định trên là đủ điều kiện bồi thường về đất đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng (33.191m²).

Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc: Do đất đủ điều kiện bồi thường, nên nhà, vật kiến trúc xây Dng trên đất cũng cần được xem xét theo quy định pháp luật.

Do vậy, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 422 là không đúng quy định. Các hộ dân đã khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 370 bác nội dung đơn khiếu nại của các hộ dân là không phù hợp.

Đối với 21.005,6m² thuộc thửa đất sông Dinh là đất do Nhà nước quản lý, nên UBND thành phố Vũng Tàu không bồi thường khi thu hồi đất là đúng.

Từ những cơ sở nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N.

Bởi các lẽ trên,

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N; hủy một phần Quyết định số 422 và hủy Quyết định 370 đối với phần diện tích đất 33.191m² bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường, mà không bồi thường.

Buộc UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường cho các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N đối với diện tích đất 33.191m² bị thu hồi và tài sản trên đất theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích 21.005,6m² thuộc đất sông Dinh do Nhà nước quản lý.

Án phí hành chính sơ thẩm, người bị kiện phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa; Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự là đúng.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Tuyên hủy Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban X về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các ông (bà) Z - K (Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N) do Nhà nước thu hồi để thực D án Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu (gọi tắt là *Quyết định số 422*);

- Tuyên hủy Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của các ông (bà): Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N, (gọi tắt là *Quyết định số 370*);

- Buộc Ủy ban X phải bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 54.196,6m² bị thu hồi và toàn bộ cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, dùng nuôi tôm và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác theo quy định pháp luật.

Các yêu cầu trên là đối tượng khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xác định các đương sự: Trong vụ án Hành chính, Tòa án chỉ xem xét việc người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 422 và Quyết định số 370. Yêu cầu buộc UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường đất và tài sản cho người khởi kiện theo đúng pháp luật. Tòa án không giải quyết các tranh chấp khác trong vụ án hành chính; nên việc xác định các đương sự là đúng pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 29/12/2020 người đại diện theo ủy quyền của ông (bà) T, Đ, D, Anh, N nộp đơn kiện Quyết định số 422 và ngày 15/3/2021 nộp đơn khởi kiện tại Tòa án với Quyết định số 370 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Yêu cầu bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất có liên quan trực tiếp đến Quyết định số 422 và Quyết định số 370 nên được xem xét theo khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[5] Về cung cấp tài liệu, chứng cứ: Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, tiến hành đối thoại, công khai chứng cứ cho các đương sự. Tòa án đã yêu cầu cung cấp chứng cứ với người bị kiện và cơ quan liên quan; do đó việc cung cấp tài liệu, chứng cứ là đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự theo luật Tổ tụng hành chính.

[6] Về trình tự, thẩm quyền ban hành quyết định: Quyết định số 422 và Quyết định số 370 được ban hành đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật khiếu nại năm 2011.

[7] Về nội dung:

[7.1] Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Tại Đơn khai hoang phục hóa đất làm đùng do ông Z lập ngày 04/10/1990, gửi UBND Phường 11, Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo, có nội dung: Xin được quyền sử dụng và khai thác sản xuất phân đất trước đây Tập đoàn có đắp để làm đùng khai thác thủy sản nhưng không sử dụng.

Tại phần xác nhận của UBND Phường 11 ngày 03/11/1990, có nội dung: *“Căn cứ đơn giao trả diện tích đất làm đùn 11ha tại Nam Bình của Tập đoàn sản xuất Muối Nam Bình, lý do không vốn đầu tư đưa vào sản xuất, hiện nay chưa giao ai sử dụng. Theo đơn xin sử dụng đất đùn kể trên của ông Z. UBND Phường*

tạm giao ông Z quản lý, phục hồi, đưa vào sử dụng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của địa phương”.

[7.2] Ngày 04/10/1990, ông Z có đơn xin sử dụng, được UBND Phường 11 xác nhận ngày 03/11/1990 với nội dung: Tạm giao để phục hồi sử dụng và thực hiện nghĩa vụ của địa phương. Năm 1993, ông K có đơn xin xác nhận hợp tác khai thác sản xuất với ông Đang, được UBND Phường 11 xác nhận ngày 29/5/1993. Ông Hải, ông Z sử dụng đến ngày 03/8/2003, ông Hải, ông Z lập giấy tay chuyển nhượng 60.000m² cho bà Mai Thị T, bà Vương Thị Bích Đ, Đ Thị D. Ngày 03/8/2003, ông Hải, ông Z lập giấy tay chuyển nhượng 24.000m² cho ông Ngô Hoàng A. Người nhận chuyển nhượng đất đã sử dụng đến khi bị thu hồi đất.

[7.3] Tại Kết luận số 8948/KL-UBND ngày 05/11/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu Kết luận kết quả thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của ông Z, ông K thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu tại bảng tổng hợp kinh phí đền bù có tên ông Z, với diện tích thu hồi 100.060m² đất dùng, trong đó thể hiện không được bồi thường về đất.

[8] Tại Bản án phúc thẩm 885/2022/HC-PT, ngày 10/11/2022 xét xử vụ án với người khởi kiện ông Nguyễn Văn Cận và Bản án phúc thẩm 886/2022/HC-PT, ngày 10/11/2022 với người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích Thu đã có hiệu lực pháp luật (đây là chứng cứ theo điểm b khoản 1 Điều 79 Luật tố tụng hành chính) thể hiện:

[8.1] Ngày 02/03/1993, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 256/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.375.642m² tại khu vực khu phố Nam Bình, Phường 11, thành phố Vũng Tàu để sử dụng vào mục đích khác. Ngày 13/3/1993, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định 327/QĐ-UB về việc tạm giao 1.375.642m² đất nêu trên cho Ban Quản lý công trình, Sở Xây Dng để thực hiện công tác đền bù giải tỏa, san lấp mặt bằng xây Dng khu chế xuất. Ngày 31/3/1993, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định 776/QĐ-UB về việc phê duyệt D toán đền bù đất cho 32 hộ có đất bị giải tỏa.

[8.2] Tại Công văn số 2694/UBND-TNMT ngày 30/5/2019 của UBND thành phố Vũng Tàu, có nội dung: *“Tại hồ sơ phê duyệt D toán đền bù tại Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 31/5/1993, tại bảng tổng hợp kinh phí đền bù có tên ông Z, với diện tích thu hồi 100.060m² đất dùng, trong đó không được bồi thường về đất mà chỉ được bồi thường về công khai phá: 10.050.000đồng, vật kiến trúc trên đất: 112.237.000 đồng và hoa màu: 400.000 đồng, với tổng số tiền 122.687.600 đồng. Theo báo cáo của Ban QLDA công trình thuộc Sở Xây Dng thì BQL chưa chi trả cho ông Z số tiền trên”.*

Như vậy, có căn cứ xác định cơ quan có thẩm quyền chưa thanh toán cho người sử dụng đất số tiền nêu trên.

[8.3] Ngày 07/4/2008, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định 1317/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 256/QĐ-UB ngày 02/3/1993 và Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 13/3/1993 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tại Điều 1 của Quyết định 1317/QĐ-UBND, có nội dung: *“Lý do thu*

hồi, hủy bỏ: Đã quá 15 năm kể từ khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 256/QĐ-UB ngày 02/3/1993 và Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 13/3/1993 để thu hồi và tạm giao cho Ban Quản lý công trình, Sở Xây Dng để đầu tư hạ tầng cơ sở kỹ thuật xây Dng khu công nghiệp sản xuất chế biến hàng xuất khẩu Phước Thắng nhưng đơn vị không thực hiện việc bồi thường, giải tỏa cho dân; không triển khai D án và hiện nay đơn vị đã giải thể, không còn tồn tại. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003, nhà nước thu hồi”.

Tại Điều 2 của Quyết định, có nội dung: “*Trả lại hiện trạng ban đầu của khu đất cho người sử dụng đất để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đất đai*”.

[9] Hộ ông Đang, ông Q sử dụng đất dùng nuôi trồng thủy sản; lúc này Luật đất đai năm 1987 đang có hiệu lực, tại Điều 2 quy định:

Nhà nước khuyến khích đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào việc: “ Khai hoang, vỡ hoá, lấn biển, phủ xanh đất trống đồi núi trọc để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối;”

Vì vậy, tại mục 7 Quyết định 318-CP ngày 10/9/1979 của Hội đồng Chính Phủ qui định: “*Nếu vì quan liêu, vô trách nhiệm mà không giải quyết các yêu cầu chính đáng của người xin tận dụng diện tích bỏ hoang hóa thì người đứng đầu các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, các cơ quan, đơn vị có đất bỏ hoang hóa phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước và chịu xử phạt theo pháp luật hiện hành.*”

Tại Điều 5 Luật Đất đai năm 1993, quy định:

“ Nhà nước khuyến khích người sử dụng đất...: Khai hoang, vỡ hoá, lấn biển, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, đất cồn cát ven biển để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối”.

Như vậy, việc ông Zxin khai hoang, phục hóa đất dùng để nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 128, 129 là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm năm 1990, 1993, được pháp luật khuyến khích người dân, doanh nghiệp đưa vào sử dụng để tạo ra sản phẩm phục vụ cho xã hội.

[10] Điều 166 Luật Đất đai năm 2013 quy định người sử dụng đất có các quyền chung sau đây: Được cấp giấy CNQSDĐ; Hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất; Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình; Được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật này; Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai. Như vậy, ông (bà) T, Đ, D, Anh, N có quyền được cấp giấy CNQSDĐ theo quy định nêu trên.

[11] Luật Đất đai năm 2013, tại khoản 2 Điều 77, qui định: “*Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ... theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này*”. Tại khoản 4 Điều 82, qui

định: “*Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này*”.

Tại thời điểm thu hồi đất hiện các hộ dân đang nuôi trồng thủy sản, không bỏ hoang hóa đất.

[12] Trong tổng diện tích đất thu hồi: 54.196,6m², có diện tích 21.005,6m² thuộc thửa đất Sông Dinh nên không đủ điều kiện bồi thường theo Điều 163 Luật đất đai năm 2013.

[13] Đối chiếu quy định trên thì trường hợp sử dụng đất của ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N là đủ điều kiện để được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng (trừ diện tích 21.005,6m² đất Sông Dinh). Không vượt quá hạn mức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp, do có nhiều hộ cùng sử dụng đất và theo Điều 130 Luật đất đai năm 2013; nên yêu cầu hủy Quyết định số 422 của UBND thành phố Vũng Tàu là có căn cứ để chấp nhận một phần.

[14] Việc UBND thành phố Vũng Tàu cho rằng diện tích 54.196,6m² do các ông (bà) T, Đ, D, Anh, N đang sử dụng là đất được Nhà nước giao để quản lý. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố Vũng Tàu không cung cấp chứng cứ được giao quản lý phần đất này. Đồng thời, cũng không phù hợp với Sổ mục kê năm 1994, tại mục: Tên chủ sử dụng ruộng đất thửa 128 tờ bản đồ 23 thì bỏ trống, không thể hiện nhà nước quản lý phần đất này, còn tại thửa 129 thì ghi là “Hg” (là đất Hoang).

[15] Do Quyết định số 422 của UBND thành phố Vũng Tàu có một phần trái pháp luật, nên Quyết định số 370 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu có nội dung không chấp nhận toàn bộ khiếu nại của các ông (bà) T, Đ, D, A, N đối với Quyết định số 422 cũng không đúng pháp luật.

[16] Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) T, Đ, D, A, N để hủy một phần các quyết định bị kiện đối với phần đất bị thu hồi 33.191m², đất đủ điều kiện bồi thường, mà không bồi thường tại Quyết định số 422 và Quyết định số 370; buộc UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường 33.191m² đất và tài sản cho các ông (bà) T, Đ, D, A, N là phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát.

[17] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông K và ông Z không yêu cầu giải quyết nội dung nào trong vụ án, đã được Hội đồng xét xử xem xét nội dung như trên.

[18] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì Ủy ban X và Chủ tịch Ủy ban X mỗi đương sự phải nộp 300.000đ.

Trả lại tạm ứng án phí cho người khởi kiện.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 79; Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Điều 2 Luật đất đai năm 1987; Điều 5 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 2 Điều 12 Luật Đất đai năm 2003; Điều 75, khoản 2 Điều 77, khoản 4 Điều 82; Điều 130 Luật Đất đai năm 2013; Mục 7 Quyết định 318-CP ngày 10/9/1979 của Hội đồng Chính Phủ. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông (bà): Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N.

Hủy một phần các quyết định đối với nội dung không bồi thường phần đất bị thu hồi 33.191m² tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đất đủ điều kiện bồi thường mà không bồi thường, tại các quyết định sau:

- Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban X về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các ông (bà) Z – K (Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N), địa chỉ: hẻm 1547 đường 30/4, Phường 12, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi để thực D án Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban X về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của các ông (bà): Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N, địa chỉ: hẻm 1547 đường 30/4, Phường 12, thành phố Vũng Tàu.

2. Buộc Ủy ban X thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ diện tích đất khoảng 33.191m² và tài sản hợp pháp gắn liền với đất; do Nhà nước thu hồi đất để thực D án Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho các ông (bà): Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N theo quy định pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của các ông (bà) Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích 21.005,6m² do Nhà nước thu hồi đất để thực dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tiểu thủ công nghiệp Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Ân phí hành chính sơ thẩm:

Bà Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N không phải nộp.

Trả lại 300.000 đồng cho bà Mai Thị T, Vương Thị Bích Đ, Đoàn Thị D, Ngô Hoàng A, Lê Thị N tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0007391 đã nộp ngày 14/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008255 cho ông Ngô Hoàng A; trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008256 cho bà Lê Thị N; trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008257 cho

bà Mai Thị T; đã nộp cùng ngày 29/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ủy ban X và Chủ tịch Ủy ban X mỗi đương sự phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đ Đức Thiện